

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số:	3125
Ngày:	21/5/14
Chuyên:	1407

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định 449);

Căn cứ Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định 2356);

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 3213-CV/VPTU ngày 23/5/2014 của Văn Phòng Tỉnh ủy; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 13/TB-HĐND tháng 4 năm 2014 về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện Công văn số 120/UBND-KHTC ngày 21/02/2014 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn triển khai Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm triển khai thực hiện thống nhất, có hiệu quả Quyết định 449 và Quyết định 2356 của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo sự quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của Quyết định 449 và Quyết định 2356, từ đó nâng cao hiệu quả, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp trong tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án, đề án cụ thể để triển khai thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược; hỗ trợ đầu tư; nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới.

3. Xác định rõ nội dung từng công việc; phân công trách nhiệm cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; huy động các đoàn thể, tổ chức xã hội, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân tham gia đảm bảo việc tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định 449 và Quyết định 2356 của Thủ tướng Chính phủ, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác dân tộc và chính các sách dân tộc trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số

a) Mục tiêu:

- Đến năm 2020, đạt chỉ tiêu có 95% trẻ từ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo, trong đó huy động trẻ 5 tuổi trên 98%; 99% học sinh trong độ tuổi vào học Tiểu học; 99,5% học sinh trong độ tuổi vào học Trung học cơ sở (THCS); 70% học sinh tốt nghiệp THCS vào học Trung học phổ thông (THPT). Tỷ lệ trường, lớp kiên cố hóa đạt 100%; đảm bảo 100% có nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá cho học sinh, sinh viên ở những nơi cần thiết; số sinh viên đạt 200 trên một vạn dân; 25% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ở mức 2; 50% số trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia cả mức 1 và mức 2; trên 24% số trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; trên 33% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 100% giáo viên các cấp đạt chuẩn theo quy định.

- Đến năm 2020 lao động trong độ tuổi lao động người dân tộc thiểu số qua bồi dưỡng, đào tạo đạt trên 50%. Trong đó 20% lao động được đào tạo nghề (*trong đó, lao động nữ chiếm từ 35 - 40% trên tổng số lao động dân tộc thiểu số được đào tạo nghề*). Gắn với công tác đào tạo nghề nhằm giải quyết việc làm cho con em người dân tộc thiểu số.

- Đào tạo các ngành nghề phù hợp với trình độ, nhu cầu của từng đối tượng; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng thanh niên người dân tộc thiểu số đang tại ngũ để tạo nguồn cán bộ khi xuất ngũ về địa phương; tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động dân tộc thiểu số tham gia học nghề tự tạo việc làm cho bản thân hoặc vào làm việc trong các doanh nghiệp.

- Tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vùng dân tộc thiểu số bằng các giải pháp khoa học và công nghệ, ứng dụng tốt trong việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 - 2015 và Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Cùng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi vào năm 2015 và tiếp tục duy trì, củng cố nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi đến năm 2020.

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh, tăng cường mạng lưới các trường, cơ sở giáo dục và đào tạo ở vùng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới để tập trung ưu tiên đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số, vùng có đông học sinh dân tộc thiểu số.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho học sinh bán trú; thực hiện tốt chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, tạo nguồn nhân lực, cán bộ vùng dân tộc thiểu số.

- Xây dựng các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, hoàn thiện hệ thống trường trung học phổ thông; đưa nội dung dạy nghề vào các trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú. Triển khai thực hiện chương trình đưa Internet vào các trường học.

- Triển khai thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi cho người làm công tác giáo dục ở các vùng đặc biệt khó khăn như: Thực hiện tốt chế độ tiền lương, phụ cấp, chế độ luân chuyển giáo viên vùng khó khăn, ưu tiên đào tạo và các chế độ đãi ngộ khác.

- Thực hiện tốt các chính sách cử tuyển, tuyển thẳng dành cho con em các dân tộc thiểu số vào các cơ sở giáo dục bậc đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Vận động và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp trong và ngoài nước để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Lồng ghép và tạo nguồn có hiệu quả “Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước (*nhất là các đơn vị, thị trường có thu nhập cao đòi hỏi người lao động phải có tay nghề cao*).

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, giáo dục ý thức kỷ luật lao động nhằm tạo nguồn lao động có chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

- Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh xây dựng và duy trì mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng lao động và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh để tham gia tạo nguồn lao động; thực hiện tốt chức năng cầu nối giữa doanh nghiệp, đơn vị với người lao động và ngược lại.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số;

củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới

a) Mục tiêu:

- Về trình độ văn hoá: Đến năm 2020, có 100% cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các cấp trên địa bàn tỉnh tốt nghiệp phổ thông trung học.

- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Có 100% cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số làm việc ở các cấp, ngành được đào tạo chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó 60% tốt nghiệp đại học trở lên.

- Lý luận chính trị: Có 100% cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Quản lý nhà nước: Có 100% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước.

- Tin học văn phòng, ứng dụng công nghệ thông tin: Có 90% cán bộ, công chức được bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

- Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; trẻ hoá về đội ngũ và tăng nhanh tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số đảm nhiệm vai trò chủ chốt ở địa bàn miền núi, bảo đảm tỷ lệ nữ chiếm 25%.

- Về trợ giúp pháp lý: Có từ 70% - 80% đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn được hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17/01/2012 của liên Bộ Tư pháp và Ủy ban Dân tộc.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới; xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ vững chắc; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; tăng cường quan hệ hữu nghị với các tỉnh của Lào và Campuchia có chung đường biên giới với tỉnh Kon Tum.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Điều tra thống kê các đối tượng là cán bộ thôn, làng, con em người dân tộc đã học xong chương trình phổ thông trung học, đại học, cao đẳng và trung học cử tuyển đã ra trường để đưa vào quy hoạch, sử dụng, bổ sung vào nguồn cán bộ cơ sở vùng đồng bào dân tộc.

- Tăng cường tuyển chọn, cử tuyển học sinh người dân tộc thiểu số đi đào tạo hệ đại học, cao đẳng theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quy hoạch và bố trí cán bộ người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở.

- Bồi dưỡng đào tạo cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số trong diện quy hoạch đảm bảo đủ điều kiện bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, đáp ứng yêu cầu giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Rà soát việc thực hiện Quyết định số 56/2006/QĐ-TTg ngày 13/3/2006 của Thủ tướng về việc tăng cường có thời hạn cán bộ, công chức về các huyện, xã trọng điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và Quyết định số 170/QĐ-TTg, ngày 26/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Dự án thí điểm tuyển chọn 600 trí thức ưu tú, có trình độ đại học tăng cường về làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thuộc 62 huyện nghèo.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”.

- Củng cố các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ trợ giúp pháp lý, bảo đảm cơ sở vật chất (*trụ sở, trang thiết bị làm việc ...*), kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý. Bảo đảm nhân lực để đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý, xây dựng chính sách lâu dài trong việc ưu đãi, thu hút người dân tộc thiểu số làm Trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý.

- Xây dựng tuyến biên giới vững mạnh toàn diện trên cơ sở phát triển kinh tế của vùng biên, kết hợp với bố trí dân cư. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng an ninh; đầu tư xây dựng thông tuyến đường hành lang biên giới và đường tuần tra biên giới; thực hiện quy hoạch các đồn biên phòng theo hướng bố trí thêm các đồn, trạm kiểm soát dọc tuyến biên giới.

- Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương. Kết hợp phát triển kinh tế xã hội, tạo thế liên hoàn cho nhiệm vụ phòng thủ trên tuyến biên giới, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

- Giữ vững quan hệ hữu nghị đặc biệt với các tỉnh bạn Lào, Campuchia có chung đường biên giới; xây dựng và củng cố đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp và nhân dân hai bên đường biên giới sinh sống và phát triển kinh tế. Tăng cường quan hệ hợp tác, đẩy mạnh phát triển thương mại, du lịch; kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại chính trị, đối ngoại về kinh tế, văn hoá và đối ngoại về quốc phòng - an ninh, tạo thế chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia.

3. Phát triển sản xuất, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo đồng bào vùng dân tộc thiểu số:

a) Mục tiêu:

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đầu tư và sử dụng nguồn lực hợp lý để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số; giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa vùng dân tộc thiểu số với các vùng khác. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, giữ gìn những giá trị truyền thống đặc trưng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ưu tiên nguồn nhân lực Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia bền vững hỗ trợ hộ nghèo tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn để phát triển sản xuất theo các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả theo mô hình luân chuyển vốn hỗ trợ hộ nghèo để hình thành Quỹ “Giúp sức người nghèo”, nhằm thực hiện các chính sách, dự án công bằng, tiến bộ, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả hộ nghèo trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn được thụ hưởng từ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước.

- Giải quyết việc làm cho con em người dân tộc thiểu số góp phần phát triển sản xuất, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững; phấn đấu bình quân mỗi năm đưa khoảng 150 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (trong đó lao động là người dân tộc thiểu số chiếm 55 – 60%). Chú trọng lao động là người dân tộc thiểu số ở 02 huyện nghèo: Kon Plong, Tu Mơ Rông và các hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu đăng ký tham gia xuất khẩu lao động; bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới thông qua chương trình vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm khoảng 1.000 lao động (trong đó lao động người dân tộc thiểu số chiếm 40 – 50%; mỗi năm tư vấn cho người lao động có nhu cầu tìm việc làm và học nghề, xuất khẩu cho 1.500 lượt người. (Trong đó người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 60 – 65%); Giới thiệu, cung ứng lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh bình quân mỗi năm khoảng 500 – 600 lao động. (Trong đó lao động người dân tộc thiểu số chiếm khoảng 30 – 40%).

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện các biện pháp để nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực nhằm phát huy tốt tiềm năng nội lực của địa phương. Tạo điều kiện, cơ hội để người dân phát huy tốt nhất năng lực, tính tự chủ, sáng tạo của mình trong lao động sản xuất; nâng cao mặt bằng dân trí chung và đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật để cung cấp nhân lực cho vùng trọng điểm kinh tế. Tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các vùng sản xuất chuyên canh tập trung. Có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực một cách cân đối, phù hợp với mục tiêu và nhu cầu của các ngành, của các vùng.

- Chú trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý; quan tâm đào tạo kỹ thuật, kỹ năng cho thế hệ trẻ là người dân tộc thiểu số để trở thành những nòng cốt nắm bắt công nghệ - kỹ thuật tiên tiến, phương thức làm ăn mới, vươn lên làm giàu, lôi cuốn người dân địa phương đẩy mạnh lao động sản xuất, nhằm xóa dần ý thức bàng lõng với cuộc sống thực tại.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các trường cao đẳng, trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp, các trung tâm dạy nghề... tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, người dân nắm bắt công nghệ, kỹ thuật tiên tiến áp dụng cho sản xuất, kinh doanh nâng cao đời sống, vươn lên làm giàu.

- Chú trọng bố trí và sử dụng nhân tài; ban hành chính sách thu hút cán bộ trong tỉnh và các sinh viên ra trường về công tác tại vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Khuyến khích và có chính sách ưu đãi cho hộ tư nhân, các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp, kinh doanh, dịch vụ các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Tạo điều kiện thuận lợi các hình thức liên doanh, liên kết để huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực và có chính sách khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư nhằm phát triển kinh tế, khai thác các tiềm năng lợi thế, huy động lao động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia nhằm tăng thu nhập, nâng cao đời sống và thu hút lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư ở vùng đồng bào dân tộc bằng các giải pháp khoa học và công nghệ.

- Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, từng bước giảm mức chênh lệch khoảng cách thu nhập vùng dân tộc thiểu số với vùng khác trong huyện, tỉnh. Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 4-5%.

- Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình quốc gia để vừa tạo sức mạnh tổng hợp vừa nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Từng bước tăng dần tỷ trọng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường. Tập trung nguồn lực tài chính để phát triển kinh tế miền núi, vùng nông thôn, ưu tiên cho các vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Thực hiện tốt công tác giao đất lâm nghiệp, khoán rừng tự nhiên và rừng trồng cho hộ gia đình, cộng đồng thôn, làng quản lý. Kết hợp chặt chẽ việc giao đất, giao rừng với công tác định canh định cư (ĐCĐC) theo các mô hình thích hợp như ĐCĐC tại chỗ, lồng ghép với vùng di dân và phát triển kinh tế mới, kết hợp với các đơn vị kinh tế, quốc phòng trên địa bàn.

- Mở rộng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ du lịch, phục vụ sản xuất và đời sống. Phát triển mô hình liên kết giữa cơ sở chế biến và sản xuất nguyên liệu theo các hợp đồng kinh tế lâu dài. Phát triển các làng nghề truyền thống, du nhập một số nghề mới phù hợp với điều kiện ở từng địa phương.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở vùng dân tộc thiểu số. Quy hoạch hình thành vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa phù hợp với điều kiện từng vùng; xây dựng chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số; thực hiện các chính sách hỗ trợ đất sản xuất, vốn tín dụng phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn...

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về vốn vay, tuyển dụng xuất khẩu lao động... cũng như lồng ghép có hiệu quả các chính sách hỗ trợ việc làm của Nhà nước để khuyến khích người lao động, cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp tham gia.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các cấp chính quyền địa phương đối với hoạt động tuyển chọn lao động trên địa bàn. Thường xuyên theo dõi, phát hiện để ngăn ngừa, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực việc làm, xuất khẩu lao động...

- Nhân rộng mô hình giảm nghèo để xây dựng, duy trì và phát triển Quỹ "Giúp sức người nghèo" tại các xã đặc biệt khó khăn; quy trình cấp giống cây, con và phân bón ở các huyện nghèo theo Chương trình 30a, lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 831/QĐ-UBND, ngày 23/10/2013.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

a) Mục tiêu:

- Tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện, xã nghèo nhất, thôn đặc biệt khó khăn theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới, trước hết là kết cấu hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước sinh hoạt.

- Tăng cường kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân dân sinh ở các huyện nghèo, ưu tiên các công trình giao thông, điện, nước sinh hoạt, thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ đề ra đến năm 2015, tăng cường năng lực cho người dân để phát huy hiệu quả các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu được đầu tư, từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

- Tăng cường kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn đặc biệt khó khăn. Ưu tiên hoàn thành trước mục tiêu xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ các điều kiện sinh kế hộ nghèo.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Thực hiện theo Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009 – 2020 của các huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt, tập trung ưu tiên hoàn thiện đường giao thông từ huyện đến trụ sở UBND các xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã; hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã; cải tạo xây mới hệ thống thủy lợi, công trình cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã.

- Thực hiện chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc và biên giới.

- Thực hiện dự án cấp điện cho thôn làng chưa có điện, đặc biệt là các thôn, làng dân tộc vùng sâu, vùng xa và biên giới của tỉnh, bảo đảm đến năm 2020, 100% số thôn làng vùng dân tộc được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Phát triển chợ đầu mối, mở rộng giao lưu, trao đổi, quảng bá hàng hóa nông sản tại các vùng sản xuất tập trung, chợ dân sinh, chú trọng nâng cấp, cải tạo, quy hoạch hợp lý chợ biên giới, chợ nằm trong vùng kinh tế cửa khẩu.

- Quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải được các dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân tộc thiểu số.

5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe:

a) Mục tiêu:

- Đảm bảo đồng bào các dân tộc thiểu số được sử dụng các dịch vụ y tế; thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

- Đến năm 2020 đạt các chỉ tiêu sau: 100% Trạm Y tế xã có Bác sĩ; bình quân 11-12 bác sĩ/vạn dân, 01 dược sĩ đại học/vạn dân; 46,5 giường bệnh/vạn dân; đảm bảo 100% Trạm Y tế xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) <17%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo thể thấp còi (chiều cao/tuổi) <35%.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Từng bước đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở y tế, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Thực hiện tốt việc xã hội hóa y tế, ưu tiên đối với các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động đầu tư, phát triển y tế ở vùng dân tộc thiểu số. Có chính sách hỗ trợ cho cán bộ y tế đến công tác vùng sâu, vùng xa như nhà ở, kinh phí...

- Đẩy mạnh việc ứng dụng y học cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, khuyến khích các bài thuốc nam, thuốc dân tộc, thực hiện tốt chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo; lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế nhằm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nhất là trẻ em nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, các chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện việc giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Cung cấp kiến thức về các loại thức ăn có dinh dưỡng cao, phù hợp với trẻ em cho phụ nữ nghèo. Ưu tiên xã nghèo được tập huấn kiến thức về dinh dưỡng cho phụ nữ.

- Cần quan tâm chăm lo chăm sóc chữa trị bệnh cho người dân tộc thiểu số, nhất là hộ nghèo đặc biệt khó khăn với tinh thần chu đáo, tận tình theo phương châm “lương y như từ mẫu”.

6. Bảo tồn, phát triển văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch vùng dân tộc thiểu số:

a) Mục tiêu:

- Bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hoá: Tổng kiểm kê phân loại di sản văn hoá, lập hồ sơ xếp hạng 10 di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh.

- Lập hồ sơ đề nghị công nhận 5 di sản văn hoá phi vật thể là di sản văn hoá phi vật thể cấp quốc gia.

- Suu tầm, bảo tồn hiện vật, bộ sưu tập hiện vật có giá trị, tiêu biểu của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.

- Suu tầm và khai thác, nâng cao các giá trị nghệ thuật biểu diễn của các dân tộc thiểu số.

- Phục hồi nghề thủ công truyền thống ở những nơi có điều kiện và khuyến khích nhân rộng theo điều kiện vùng miền.

- Lập hồ sơ đề nghị công nhận nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân.

- Phát triển văn nghệ quần chúng, đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa ở cơ sở.

- Bảo tồn, phát triển một số làng truyền thống gắn với dịch vụ - du lịch.

- Nghiên cứu, suu tầm và phục dựng một số lễ hội truyền thống đặc sắc đang bị mai một hoặc có nguy cơ mất hẳn của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- 100% di tích lịch sử danh thắng được phân cấp quản lý và khoanh vùng bảo vệ, khai thác hợp lý các tiềm năng, danh lam thắng cảnh, phát triển du lịch ở

vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 80% số làng đơn vị được công nhận là đơn vị văn hóa.

- Phát triển thể thao:

+ Đối với cấp huyện, thành phố, các đơn vị đứng chân trên địa bàn: Phần đầu đến năm 2015 có 50%, năm 2020 có 95% tổng số huyện, thành phố hoàn thành công trình sân vận động, nhà thi đấu;

+ Đối với cấp xã, phường, thị trấn, các cơ quan phần đầu đến năm 2015 đạt 80%, năm 2020 đạt 100% tổng số xã, phường, thị trấn, cơ quan có sân bóng đá, bóng chuyền, phòng tập thể thao;

+ Đối với các thôn, làng, tổ dân phố, phần đầu đến năm 2015 đạt 60%, năm 2020 đạt 70% tổng số thôn, làng, tổ dân phố có khu sinh hoạt thể thao.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Bảo tồn, phát huy các lễ hội, các môn thể dục, thể thao truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, định kỳ tổ chức các ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc. Khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường. Triển khai thực hiện tốt kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum.

- Xây dựng các đội văn nghệ và các Câu lạc bộ văn hoá văn nghệ dân gian như Câu lạc bộ công chiêng, câu lạc bộ nhạc cụ truyền thống...; các thiết chế văn hoá truyền thống phù hợp với từng vùng, miền, từng dân tộc, đi vào sử dụng quản lý có hiệu quả, không để mai một mất đi.

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá đảm bảo tính bền vững, thiết thực nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Nâng cao mức hưởng thụ văn hoá trong nhân dân, rút ngắn khoảng cách vùng miền.

- Hoàn thành việc bảo tồn khẩn cấp và bước đầu phát huy các di sản văn hoá tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; xây dựng các đề án trọng tâm, trọng điểm có quy mô quốc gia để bảo tồn các giá trị di sản tiêu biểu.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở để phổ biến tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Suu tầm, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của địa phương, các loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của 06 dân tộc tại chỗ (Xơ Đăng, BaNa, Gia Rai, Giê-Triêng, B'Râu và Rơ Măm).

- Thống nhất và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành về kiểm kê, suu tầm và bảo quản, trưng bày, tuyên truyền bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020. Đưa

mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc vào Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, kế hoạch Nhà nước ở các cấp.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân về văn hóa và nhiệm vụ phát triển văn hóa.

- Thành lập Đội kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, sản phẩm văn hóa.

- Kêu gọi các tổ chức xã hội: Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, tư nhân đầu tư, hỗ trợ hoạt động văn hoá.

- Huy động sức dân trong việc xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở. Khuyến khích mọi người dân, mọi tổ chức tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa: kinh doanh dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, ...

- Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hoá, về đào tạo tài năng văn hoá, nghệ thuật, đào tạo cán bộ chuyên môn trình độ cao. . .

- Có chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút cán bộ khoa học, kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực văn hóa dân tộc về làm việc tại các cơ quan văn hóa của tỉnh; có chính sách hỗ trợ chế độ ưu đãi cho các nghệ nhân hiểu biết sâu, rộng về các ngành nghề truyền thống, di sản văn hóa dân gian... của dân tộc mình, tạo cơ sở để họ gìn giữ và truyền dạy cho thế hệ sau.

- Xây dựng tiêu chuẩn và cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hoá có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đáp ứng yêu cầu phát triển. Ưu tiên đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ văn hoá là người dân tộc thiểu số, có chế độ ưu đãi, thu hút họ trở về địa phương công tác.

- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cấp xã, chủ nhiệm nhà văn hóa, chủ nhiệm các câu lạc bộ văn hóa, đội trưởng các đội văn nghệ quần chúng.

7. Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số:

a) Mục tiêu:

- Thực hiện tốt các chính sách của tỉnh như: hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho 20 xã trọng điểm đặc biệt khó khăn nhằm tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng ở các vùng lõi nghèo, thúc đẩy nhanh công tác giảm nghèo một cách bền vững; chính sách phát triển sản xuất ở 20 xã trọng điểm đặc biệt khó khăn nhằm tăng cường nguồn lực phát triển sản xuất, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo; chính sách cấp bù lãi suất 0,3%/tháng cho hộ nghèo dân tộc thiểu số ở 20 xã trọng điểm đặc

biệt khó khăn của tình mạnh dạn tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất đặc biệt ưu đãi, đầu tư sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập cho gia đình.

- Chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền nhằm tập trung nguồn lực để phát triển nhanh cao su tiểu điền, khuyến khích các hộ nghèo trong vùng quy hoạch phát triển cao su phù hợp với nhu cầu thị trường và định hướng chuyển hướng cơ cấu cây trồng của tỉnh; chính sách động viên, khuyến khích hộ thoát nghèo bền vững.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Ưu tiên đầu tư trước các công trình đường giao thông, điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất và cải tạo, xây mới hệ thống thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt. Đầu tư 100% cho 8 xã, mức 3.000 triệu đồng/xã/năm và 12 xã hỗ trợ đầu tư thêm 117 triệu đồng/xã/năm.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình đầu tư, hỗ trợ đặc thù để phát triển kinh tế - xã hội địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Xây dựng các nhóm hộ, tổ hợp tác sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ theo hình thức luân chuyển vốn trong cộng đồng hộ nghèo, trao quyền cho cơ sở, người nghèo. Đầu tư 100% cho 8 xã, mức 500 triệu đồng/xã/năm và hỗ trợ đầu tư thêm 12 xã, mức 100 triệu đồng/xã/năm.

- Hỗ trợ giống cao su bầu đặt hạt để trồng mới và trồng dặm theo định mức, trong đó cây giống trồng dặm được hỗ trợ ngay trong năm trồng mới; hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chính theo định mức trong năm trồng mới và 03 năm đầu thời kỳ kiến thiết cơ bản; Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây cao su.

- Thu hút đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới từ nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ trong và ngoài nước khác.

- Tổ chức hội nghị công nhận hộ thoát nghèo và cấp giấy khen cho các hộ thoát nghèo tiêu biểu.

8. Đảm bảo nước sinh hoạt, môi trường sống vùng dân tộc thiểu số:

a) Mục tiêu:

- Bảo đảm nước sinh hoạt, sử dụng, khai thác và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, sinh thái vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

- Bảo vệ, cải tạo và đảm bảo tài nguyên được đầu tư trở lại phù hợp.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khai thác tài nguyên khoáng sản và môi trường, sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo qui định của pháp luật.

- Quy hoạch và quản lý môi trường trong phát triển làng nghề, trang trại chăn nuôi tập trung, cụm công nghiệp. Áp dụng và phát triển các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, tổ chức phổ biến phương thức, kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp nhằm ngăn chặn tình trạng suy thoái đất, xói mòn, rửa trôi và chống lũ quét ở vùng miền núi. Quy hoạch khoanh vùng thiên tai nguy hiểm và chủ động di dời dân ra khỏi các vùng nguy hiểm, ổn định tái định cư.

- Rà soát việc thực hiện Quyết định 366/QĐ-TTg, ngày 31/3/2012 về Chương trình mục tiêu Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Hỗ trợ người dân vùng dân tộc thiểu số trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chí của Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực quản lý đối với các lực lượng bảo vệ tài nguyên, quản lý lâm nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

- Tăng cường công tác tuyên truyền và áp dụng các biện pháp khống chế lây lan dịch bệnh. Thực hiện tốt việc đầu tư trở lại tương xứng nhằm giữ gìn, bảo vệ, cải tạo, phục hồi về môi trường sinh thái đối với vùng có tài nguyên khoáng sản đã bị khai thác.

- Xây dựng các dự án lồng ghép môi trường vào công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, chăn nuôi thú y; xây dựng và triển khai đề án lồng ghép bảo vệ môi trường vào chương trình giảng dạy ở các cấp; xây dựng kế hoạch lồng ghép đưa nội dung bảo vệ môi trường vào nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9. Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ:

a) Mục tiêu:

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu xây dựng chương trình khoa học cấp nhà nước về công tác dân tộc, chú trọng đổi mới việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các dự án xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, ứng dụng và phát triển các sản phẩm công nghệ sinh học và phục vụ sinh hoạt; cung cấp đầy đủ thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển vùng dân tộc thiểu số.

b) Nhiệm vụ, giải pháp:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức, tập trung vào tổ chức các hoạt động tuyên truyền sâu rộng tới hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, cho các cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc về vai trò của khoa học và công nghệ đối với quản lý nhà nước

về công tác dân tộc, giảm nghèo và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số.

- Vận động các dân tộc thiểu số ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng, nhân rộng các điển hình ứng dụng thành công các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, sinh hoạt, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác liên kết “4 nhà” để thu hút, khuyến khích các nhà khoa học, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cùng nhân dân liên kết chuyên gia ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020;

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ nguồn vốn thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh. Rà soát và đề xuất việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án liên quan đến công tác dân tộc.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh củng cố, xây dựng, hoàn thiện bộ máy làm công tác dân tộc, kiện toàn hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở theo Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-UBND-BNV ngày 17/9/2010 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng “Chương trình phối hợp công tác” nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, tổ chức trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc thiểu số thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh, tham mưu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư cho vùng đặc biệt khó khăn, trình cấp thẩm quyền xem xét ban hành thực hiện.

- Sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án về công tác dân tộc; tổng kết về công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Định kỳ 06 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện chính sách dân tộc và công tác dân tộc.

- Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc của tỉnh; hướng dẫn tổ chức Đại hội dân tộc thiểu số theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc lồng ghép kế hoạch thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các danh mục các dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020, tập trung vào các lĩnh vực: Xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, các dự án sản xuất công nghiệp chế biến mà địa phương có lợi thế về cung cấp nguyên liệu, giải quyết được nhiều lao động tại chỗ; các dự án nông nghiệp công nghệ cao, trồng rừng nguyên liệu, các dự án sản xuất hàng xuất khẩu, các dự án xử lý nước thải, chất thải; các dự án về năng lượng, hạ tầng các khu công nghiệp tập trung...

3. Sở Nội vụ:

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc, UBND các huyện, thành phố thực hiện chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất UBND tỉnh ban hành quy định về sử dụng học sinh cử tuyển sau khi tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp.

- Hướng dẫn các huyện, xã quy hoạch và bố trí người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và UBND xã. Bồi dưỡng đào tạo cán bộ công chức trong diện quy hoạch trong quá trình công tác để bổ nhiệm cán bộ dân tộc thiểu số đủ điều kiện vào các chức danh chủ chốt, đáp ứng yêu cầu giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:

Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Công thương, Ban Dân tộc, Hội Nông dân và các ngành liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện chính sách về đào tạo nghề áp dụng đối với đồng bào các dân tộc thiểu số về: danh mục ngành nghề đào tạo, thời gian và đối tượng đào tạo phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ưu tiên xuất khẩu lao động đối với đồng bào các dân tộc thiểu số để tạo điều kiện cho họ được học tập, mở mang kiến thức làm ăn, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt chính sách phát triển giáo dục và Đào tạo.

6. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và các đơn vị khác có liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo hướng dẫn của Trung ương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn vốn thực hiện Chương trình, dự án và quyết toán kinh phí theo quy định của cấp thẩm quyền.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới theo Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp - nông dân - nông thôn và chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020, chỉ đạo xây dựng điểm xã đặc biệt khó khăn về xây dựng nông thôn đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; thực hiện công tác quy hoạch dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với quy hoạch phát triển sản xuất ổn định; tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất để từng bước ổn định đời sống; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách giao đất, giao rừng ổn định lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ, phát triển rừng hiệu quả, bền vững; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế hàng hóa nông lâm, thủy sản để nâng cao thu nhập.

- Phối hợp với Ban Dân tộc, các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về hỗ trợ phát triển sản xuất, định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số... và các chương trình, chính sách khác của nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt các chính sách đầu tư phát triển bền vững.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Tham mưu cho UBND tỉnh thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông lâm sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cộng đồng dân cư ở vùng đồng bào dân tộc bằng các giải pháp khoa học và công nghệ.

Đẩy nhanh tiến độ áp dụng các đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa các dân tộc thiểu số vào thực tiễn có hiệu quả.

9. Sở Công Thương:

- Đề xuất chính sách khuyến khích ưu đãi cho hộ tư nhân, các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và kinh

doanh, dịch vụ ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Tạo điều kiện thuận lợi các hình thức liên doanh, liên kết để huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động của công tác khuyến công, hỗ trợ phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc.

Phối hợp với các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu đề xuất kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất cho các chợ ở các xã vùng đồng bào dân tộc đạt chuẩn của Bộ xây dựng, nhằm tạo điều kiện thông thương hàng hóa cho nhân dân.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành và UBND các huyện tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, sinh thái vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, chỉ đạo thực hiện tốt việc đầu tư trở lại tương xứng nhằm giữ gìn, bảo vệ, cải tạo, phục hồi về môi trường sinh thái đối với vùng có tài nguyên khoáng sản đã bị khai thác.

- Trong công tác lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất giáo dục, y tế và các công trình văn hóa khác phải đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

11. Sở Y tế:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách về y tế, dân số cho đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo được hưởng các dịch vụ y tế. Chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư về nhân lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho y tế cơ sở từ tuyến xã, trung tâm y tế huyện đáp ứng được yêu cầu tối thiểu về công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh cho vùng đồng bào dân tộc.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách mới về y tế thiết thực phục vụ đồng bào dân tộc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng nâng cao chất lượng dân số cho đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển dân số hợp lý của từng dân tộc, đảm bảo tỉ lệ cân bằng giới tính của trẻ sơ sinh đồng bào dân tộc; hỗ trợ việc khai thác, bảo tồn, sử dụng các bài thuốc dân gian và phương pháp chữa bệnh cổ truyền của đồng bào dân tộc.

12. Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan và các huyện, thành phố triển khai Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, Thể thao, Du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 22/2013/QQĐ-UBND ngày 10/4/2013.

- Tham mưu, đề xuất về cơ chế chính sách và giải pháp tăng cường đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao ở cơ sở, giữ gìn thuần

phong mỹ tục và tập quán tốt đẹp của các dân tộc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống đậm đà bản sắc. Đẩy mạnh giao lưu văn hoá, thể thao quần chúng các dân tộc thiểu số, tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tiếp tục thực hiện các nội dung chỉ đạo của Đảng và nhà nước về xây dựng và phát triển sự nghiệp gia đình Việt Nam, hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đẩy mạnh công tác quảng bá, đa dạng hoá các loại hình hoạt động và sản phẩm du lịch. Khai thác hợp lý các tiềm năng du lịch trên cơ sở đầu tư, tôn tạo và nâng cấp hoàn chỉnh các di tích lịch sử - văn hoá - danh lam thắng cảnh, phát triển mô hình du lịch cộng đồng làng, thôn du lịch sinh thái, phát triển dịch vụ du lịch nhằm nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh.

13. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị tăng cường đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông, mở rộng diện phủ sóng và nâng cao chất lượng phát thanh truyền hình, điện thoại và Internet đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số các xã đặc biệt khó khăn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, phát thanh truyền hình trên địa bàn tỉnh nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền bằng các hình thức, phương thức phù hợp với từng vùng, từng dân tộc và bằng tiếng dân tộc thiểu số. Đề xuất, sửa đổi, bổ sung và xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thông tin cho vùng đặc biệt khó khăn. Chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Xây dựng kế hoạch lồng ghép đưa nội dung bảo vệ môi trường vào nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

14. Sở Tư pháp:

Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phù hợp với đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

15. Sở Ngoại vụ:

Chủ trì phối hợp với UBND tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh và các ngành, các huyện biên giới đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hoạt động ngoại giao nhân dân; tăng cường giao lưu thắt chặt tình đoàn kết giữa các dân tộc vùng biên giới hai nước Lào và Campuchia; thông qua công tác thông tin đối ngoại tăng cường tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

16. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh:

- Giao nhiệm vụ cho Công an, BCH quân sự; BCH Biên phòng tỉnh phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan, các huyện có biên giới xây dựng biên giới vững mạnh, thế trận an ninh vững chắc trên cơ sở phát triển kinh tế của vùng biên kết hợp với bố trí dân cư. Chủ động triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động của Bộ Quốc phòng trên địa bàn tỉnh về “Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020” và Chương trình phối hợp giữa Ban Dân tộc với BCH Biên phòng tỉnh.

- Phối hợp với các lực lượng nắm chắc địa bàn, đối tượng, nhất là vùng sâu, vùng xã, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới; tham mưu xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống xảy ra ngay từ cơ sở. Làm tốt công tác vận động quần chúng, giúp đỡ nhân dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh toàn diện, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong khu vực phòng thủ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đề cao cảnh giác những âm mưu thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch và bọn phản động. Tăng cường công tác nắm tình hình, chỉ đạo phối hợp với các cấp các ngành, đoàn thể tập trung giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh liên quan đến an ninh trong vùng đồng bào dân tộc ngay từ cơ sở.

17. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số các chính sách của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực các dân tộc. Nâng cao chất lượng, số lượng các buổi phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài phản ánh về các gương điển hình tiên tiến là người dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

18. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, tăng cường tập hợp, vận động đồng bào các dân tộc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc phát động, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. Chủ động đưa nội dung kế hoạch này vào chương trình các lớp tập huấn của các cấp hội, tổ chức lồng ghép các hoạt động vận động, tuyên truyền phù hợp nhằm thực hiện tốt các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

- Phối hợp tăng cường phát huy vai trò giám sát nhân dân trong quá trình thực hiện các chính sách đầu tư trên địa bàn và biểu dương khen thưởng kịp thời những điển hình tiên tiến, tuyên truyền nhân rộng những mô hình tiêu biểu trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Chăm lo, bồi dưỡng và phát huy vai trò của những người tiêu biểu, người có uy tín trong vùng nâng cao chất lượng các cuộc vận động, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn.

19. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Tăng cường công tác phối hợp với các đơn vị nhận uỷ thác để thực hiện tốt chính sách tín dụng cho các đối tượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được thuận lợi, đúng quy định. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn đối với hộ đồng bào các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn để phát triển sản xuất, ổn định đời sống, vươn lên thoát nghèo.

20. Các Sở, Ban ngành, đoàn thể liên quan: Căn cứ vào nội dung kế hoạch này có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công theo kế hoạch.

21. UBND các huyện, thành phố:

- Có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc theo quy định của pháp luật, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước các chính sách dân tộc trên địa bàn, trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn hiệu quả.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của vùng nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, gắn phát triển kinh tế với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, môi trường, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn một cách bền vững.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, vận động nhân dân giám sát cộng đồng, thông qua thực hiện chương trình nâng cao năng lực cán bộ xã, năng lực cộng đồng, nâng cao dân trí. Tập trung hướng dẫn chỉ đạo các xã thôn, làng xây dựng qui chế quản lý khai thác, bảo dưỡng, sử dụng các công trình có hiệu quả.

- Huy động mọi nguồn lực, đảm bảo ổn định và phát triển. Tranh thủ nguồn vốn đầu tư có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương, địa phương, đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực có đủ điều kiện nhằm huy động tối đa các nguồn vốn từ xã hội vào đầu tư phát triển vùng dân tộc.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, xây dựng điểm xã dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong tất cả các ngành kinh tế, xã hội, giáo dục, y tế, phát triển nông thôn. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc với bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá từ huyện, thành phố đến xã, thị trấn, phường. Chú trọng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần ở nông thôn, vùng khó khăn. Thực hiện tốt các chính sách về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.

- Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của cơ quan quản lý công tác dân tộc. Thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện chính sách, chương trình, dự án, đề án về công tác dân tộc trên địa bàn. Thực hiện chế độ báo cáo kịp thời theo quý, năm trong việc triển khai thực hiện công tác dân tộc về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh).

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào kế hoạch này tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc tỉnh) để xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Nơi nhận: *M*

- Ủy ban Dân tộc (báo cáo);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Ủy ban Dân tộc);
- TT Tỉnh ủy; TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Kon Tum;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ ĐỀ ÁN THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC ĐẾN NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH KON TUM

(Kèm theo Kế hoạch số: **1285** /KH-UBND ngày **29/ 5** /2014 của UBND tỉnh
 Kon Tum)

TT	Tên chương trình, chính sách, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian xây dựng và trình	Thời gian triển khai
I	Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực công tác dân tộc và hỗ trợ pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số				
1	Tham gia xây dựng Luật Dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	Sở Tư pháp; Ban Dân tộc - HĐND; các sở; ngành; UBND các huyện, thành phố	2017 - 2020	2021
2	Đề án trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số thường trú ngoài vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2015 - 2020	Sở Tư pháp	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ban Dân tộc; UBND các huyện, thành phố	2015	2015 - 2020
3	Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013- 2020	Sở Tư pháp	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Ban Dân tộc; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
II	Giáo dục đào tạo, dạy nghề, phát triển nguồn nhân lực				
1	Tham gia góp ý Đề án thành lập Học viện Dân tộc gắn với đào tạo nguồn nhân lực cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
2	Tham gia Đề án Giáo dục giá trị văn hóa dân tộc cho học sinh dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc; sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020



3	Tham gia Đề án xây dựng chương trình Giáo dục trong trường phổ thông dân tộc nội trú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc; Sở Tài chính;	2014	2014 - 2020
4	Tham gia Đề án tăng cường củng cố vốn tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
5	Tham gia Đề án xây dựng chương trình đào tạo cán bộ, giáo viên công tác lại các vùng dân tộc thiểu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
6	Tham gia Xây dựng Chính sách hỗ trợ học bổng cho sinh viên người dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo thi đỗ vào các trường đại học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Dân tộc; Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
7	Tham gia Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ số thanh niên dân tộc thiểu số đang tại ngũ cho các dân tộc thiểu số dưới 10.000 người, cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ban Dân tộc; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố	2014	2015 - 2020
8	Tham gia Đề án liên kết với chính quyền địa phương mở lớp học tiếng dân tộc cho cán bộ, chiến sỹ hiện đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ban Dân tộc; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố	2014	2015 - 2020
9	Chính sách dạy nghề chuyên biệt và giải quyết việc làm cho con em người dân tộc thiểu số đến năm 2020	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ban Dân tộc; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2020
10	Tham gia Đề án phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2020	Ban Dân tộc	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2020
11	Chương trình xóa mù chữ, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật và trình độ mọi mặt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Ban Dân tộc; Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh; Sở Giáo	2014	2015 - 2020

	cho phụ nữ dân tộc thiểu số vùng biên giới		đục và Đào tạo; UBND huyện biên giới.		
III Phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội					
1	Dự án điều tra đánh giá thực trạng đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, quy hoạch quỹ đất sản xuất, đề xuất các chính sách để giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban Dân tộc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2018
2	Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015	Ban Dân tộc	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2015
3	Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2015	Ban Dân tộc	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2015
4	Đề án xây dựng các mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Tây Nguyên	Ban Dân tộc	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2020
5	Đề án giao đất rừng cho cộng đồng vùng dân tộc thiểu số để tạo sinh kế và môi trường bền vững	Ban Dân tộc	Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố.	2014	2015 - 2020



6	Chương trình hỗ trợ xây dựng các mô hình dạy nghề, phát triển ngành nghề truyền thống phù hợp, nâng cao thu nhập cho phụ nữ dân tộc thiểu số	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Ban Dân tộc; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố.	2014	2015 - 2020
IV Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội					
1	Chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển SX cho các xã ĐBK, xã biên giới, xã ATK, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (CT 135 GD III)	Ban Dân tộc	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2020
2	Đề án xây dựng cầu dân sinh quy mô nhỏ (2,5-5 tấn, rộng 2,4-4m) đảm bảo an toàn giao thông	Sở Giao thông vận tải	Ban Dân tộc; Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.	2014	2014 - 2020
V Tuyên truyền, thông tin truyền thông					
1	Đề án tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Ban Dân tộc	Sở Tư pháp, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh; UBND các huyện, thành phố.	2015	2016 - 2020
2	Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Ban Dân tộc	Các Sở: Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông.	2014	2014 - 2020
3	Chương trình mục tiêu quốc gia Đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Dân tộc; Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; UBND các huyện, TP	2014	2014 - 2020
4	Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất vùng dân tộc thiểu số đến năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương; Đài Phát thanh và Truyền hình; Ban Dân tộc, UBND các huyện,	2015	2017 - 2020

			thành phố.		
5	Đề án quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Đài Phát thanh và Truyền hình; Ban Dân tộc.	2014	2014 - 2020
6	Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích cho vùng dân tộc thiểu số đến năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Dân tộc; các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014 - 2020
7	Chương trình hành động công tác thông tin đối ngoại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo	Ban Dân tộc	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Ngoại vụ.	2014	2014 - 2020
8	Chính sách hỗ trợ thông tin báo chí tuyên truyền vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn biên giới, hải đảo giai đoạn 2015 - 2020	Ban Dân tộc	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	2015	2016 - 2020
9	Đề án công tác truyền thông cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030	Ban Dân tộc	Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ.	2014	2015 - 2020
VI	Củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở; xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội				
1	Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới	Sở Nội vụ	Ban Dân tộc; các sở, ngành liên quan	2014	2014 - 2020
2	Đề án xây dựng các điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho nhân dân ở khu vực biên giới; bảo vệ và phát triển rừng vành đai đến năm 2020	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan	2013	2013 - 2020
3	Chính sách đối với cán bộ xã, phường, thị trấn và cán bộ về công tác ở địa bàn đặc biệt khó	Sở Nội vụ	Ban Dân tộc; Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.	2014	2014 - 2020



	khăn				
4	Tham gia xây dựng Nghị định của Chính phủ ban hành chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ vùng dân tộc thiểu số	Sở Nội vụ	Ban Dân tộc; Sở Tư pháp.	2014	2014 - 2020
5	Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2014-2020	Sở Nội vụ	Ban Dân tộc; UBND các huyện, thành phố	2014	2014 - 2020
6	Tăng cường sỹ quan lực lượng vũ trang xuống các xã trọng điểm, các xã biên giới	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ban Dân tộc, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài chính.	2014	2015 - 2020
7	Tổ chức Đại hội Đại biểu dân tộc thiểu số lần thứ 2 cấp địa phương	Ban Dân tộc	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	2014	2014
VII Y tế, chăm sóc sức khỏe					
1	Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số	Ban Dân tộc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế.	2014	2015 - 2020
2	Đề án nâng cấp, xây dựng mới các trạm y tế quân dân y kết hợp	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Y tế	2014	2015 - 2020
3	Đề án phát triển mô hình y tế lưu động vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở Y tế	Ban Dân tộc	2014	2015 - 2020
4	Đề án nâng cao thể lực, tầm vóc người dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn 2030	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ban Dân tộc, Sở Y tế	2014	2015 - 2020
VIII Văn hóa					
1	Đề án bảo tồn, phát triển nghề và làng nghề truyền thống vùng	Ban Dân tộc	Các Sở: Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài	2014	2014 - 2020

	dân tộc và miền núi		chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.		
2	Đề án kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ban Dân tộc, các sở ngành có liên quan	2015	2015 - 2020
IX Thương mại, du lịch					
1	Chính sách phát triển hạ tầng thương mại, xúc tiến thương mại vùng dân tộc thiểu số để đẩy mạnh trao đổi, xuất khẩu hàng hóa, phát triển thương mại, cải thiện đời sống đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Công Thương	Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.	2014	2014 - 2020
X Khoa học và công nghệ					
1	Đề án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nâng cao giá trị sản phẩm các ngành sản xuất, chế biến nông, lâm sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Dân tộc, các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công thương, Nông nghiệp Và Phát triển nông thôn.	2014	2014 - 2020
XI Một số đề án, chính sách đặc thù					
1	Tham gia xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân tộc	Ban Dân tộc	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.	2013	2014 - 2020
2	Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi	Ban Dân tộc	Sở Ngoại vụ; Công thương.	2013	2013 - 2020
3	Xác định thành phần, tên gọi dân tộc và xây dựng Bảng danh mục thành phần các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum	Ban Dân tộc	Các sở ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.	2014	2014
4	Đề án hỗ trợ phát triển KT-XH các dân tộc rất ít người	Ban Dân tộc	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.	2014	2014 - 2020

5	Đề án điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum	Ban Dân tộc	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; UBND các huyện, thành phố.	2014 - 2015	
6	Đề án đánh giá hệ thống chính sách vùng dân tộc thiểu số từ 2006 - 2015, đề xuất giải pháp xây dựng chính sách giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030	Ban Dân tộc	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố.	2016	
7	Một số chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020	Ban Dân tộc	Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội.	2015	2016 - 2020

aa ✓